

Phụ lục số 1 : Mẫu báo cáo gửi Sở giao dịch chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán
VPBank

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 804 /CV- VPBankS

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2025

BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 08/2025

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty Cổ phần chứng khoán VPBank xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

- Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (không phải báo cáo nội dung này khi gửi báo cáo cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội)

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ABR			ABR
3	ABT			ABT
4	ACB			ACB
5	ACC			ACC
6	ACG			ACG
7	ACL			ACL
8	ADG			ADG
9	ADP			ADP
10	ADS			ADS
11	AGG			AGG
12	AGR			AGR
13	ANV			ANV
14	ASG			ASG
15	ASM			ASM
16	AST			AST
17	BAF			BAF
18	BBC			BBC



19	BCM			BCM
20	BFC			BFC
21	BHN			BHN
22	BIC			BIC
23	BID			BID
24	BKG			BKG
25	BMC			BMC
26	BMI			BMI
27	BMP			BMP
28	BRC			BRC
29	BSI			BSI
30			BSR	BSR
31	BTP			BTP
32	BTT			BTT
33	BVH			BVH
34	BWE			BWE
35	C32			C32
36	CCI			CCI
37	CCL			CCL
38	CDC			CDC
39	CHP			CHP
40	CII			CII
41	CKG			CKG
42	CLC			CLC
43	CLL			CLL
44	CLW			CLW
45	CMG			CMG
46	CMV			CMV
47	CNG			CNG
48	COM			COM
49	CRC			CRC
50	CRE			CRE
51	CSM			CSM
52	CSV			CSV
53	CTD			CTD

54	CTF			CTF
55	CTG			CTG
56	CTI			CTI
57	CTR			CTR
58	CTS			CTS
59	CVT			CVT
60	D2D			D2D
61	DAH	DAH		
62	DAT			DAT
63	DBC			DBC
64	DBD			DBD
65	DBT			DBT
66	DC4			DC4
67	DCL			DCL
68	DCM			DCM
69	DGC			DGC
70	DGW			DGW
71	DHA			DHA
72	DHC			DHC
73	DHG			DHG
74	DHM	DHM		
75	DIG			DIG
76	DMC			DMC
77	DPG			DPG
78	DPM			DPM
79	DPR			DPR
80	DRC			DRC
81	DRL			DRL
82	DSE			DSE
83	DSN			DSN
84	DTA			DTA
85	DTT			DTT
86	DVP			DVP
87	DXG			DXG
88	DXS			DXS

40
ÔNG
Ô P
ING
PBA
DA

89	EIB			EIB
90	ELC			ELC
91	EVF			EVF
92	FCM			FCM
93	FCN			FCN
94	FIR			FIR
95	FIT			FIT
96	FMC			FMC
97	FPT			FPT
98	FRT			FRT
99	FTS			FTS
100	GAS			GAS
101	GDT			GDT
102	GEE			GEE
103	GEG			GEG
104	GEX			GEX
105	GMD			GMD
106	GMH			GMH
107	GSP			GSP
108	GTA			GTA
109	GVR			GVR
110	HAH			HAH
111	HAP			HAP
112	HAR			HAR
113	HAX			HAX
114	HCD			HCD
115	HCM			HCM
116	HDB			HDB
117	HDC			HDC
118	HDG			HDG
119	HHP			HHP
120	HHS			HHS
121	HHV			HHV
122	HII			HII
123	HMC			HMC

124	HNA			HNA
125	HPG			HPG
126	HPX			HPX
127	HQC			HQC
128	HRC			HRC
129	HSG			HSG
130	HSL			HSL
131	HT1			HT1
132	HTG			HTG
133	HTI			HTI
134	HTL			HTL
135	HTN			HTN
136	HTV			HTV
137	HU1			HU1
138	HUB			HUB
139	HVH			HVH
140	ICT			ICT
141	IDI			IDI
142	IJC			IJC
143	ILB			ILB
144	IMP			IMP
145	ITC			ITC
146	KBC			KBC
147	KDC			KDC
148	KDH			KDH
149	KHG			KHG
150	KHP			KHP
151	KMR			KMR
152	KOS			KOS
153	KSB			KSB
154	L10			L10
155	LAF			LAF
156	LBM			LBM
157	LCG			LCG
158	LGC			LGC

159	LHG			LHG
160	LIX			LIX
161	LM8			LM8
162	LPB			LPB
163	LSS			LSS
164	MBB			MBB
165	MCM			MCM
166	MCP			MCP
167	MHC			MHC
168	MIG			MIG
169	MSB			MSB
170	MSH			MSH
171	MSN			MSN
172	MWG			MWG
173	NAB			NAB
174	NAF			NAF
175	NAV			NAV
176	NBB			NBB
177	NCT			NCT
178	NHA			NHA
179	NHH			NHH
180	NHT			NHT
181	NKG			NKG
182	NLG			NLG
183	NNC			NNC
184	NO1			NO1
185	NSC			NSC
186	NT2			NT2
187	NTL			NTL
188	OCB			OCB
189	OPC			OPC
190	PAC			PAC
191	PAN			PAN
192	PC1			PC1
193	PDN			PDN

194	PDR			PDR
195	PET			PET
196	PGC			PGC
197	PGD			PGD
198	PGI			PGI
199	PHC			PHC
200	PHR			PHR
201	PJT			PJT
202	PLP			PLP
203	PLX			PLX
204	PNC			PNC
205	PNJ			PNJ
206	POW			POW
207	PPC			PPC
208	PTB			PTB
209	PTC			PTC
210	PVD			PVD
211	PVP			PVP
212	PVT			PVT
213	QCG			QCG
214	QNP			QNP
215	RAL			RAL
216	REE			REE
217	S4A			S4A
218	SAB			SAB
219	SAM			SAM
220	SAV	SAV		
221	SBA			SBA
222	SBG			SBG
223	SBT			SBT
224	SC5			SC5
225	SCR			SCR
226	SCS			SCS
227	SFC			SFC
228	SFG			SFG

229	SFI			SFI
230	SGN			SGN
231	SGR			SGR
232	SGT			SGT
233	SHA			SHA
234	SHB			SHB
235	SHI			SHI
236	SHP			SHP
237	SIP			SIP
238	SJD			SJD
239	SJS			SJS
240	SKG			SKG
241	SMA			SMA
242	SMB			SMB
243	SPM			SPM
244	SRC			SRC
245	SSB			SSB
246	SSC			SSC
247	SSI			SSI
248	ST8			ST8
249	STB			STB
250	STG			STG
251	STK			STK
252	SVC			SVC
253	SVI			SVI
254	SVT			SVT
255	SZC			SZC
256	SZL			SZL
257	TBC			TBC
258	TCB			TCB
259	TCH			TCH
260	TCI			TCI
261	TCL			TCL
262	TCM			TCM
263	TCO			TCO

264	TCT			TCT
265	TDC			TDC
266	TDG			TDG
267	TDM			TDM
268	TDP			TDP
269	TDW			TDW
270	TEG			TEG
271	THG			THG
272	TIP			TIP
273	TIX			TIX
274	TLD			TLD
275	TLG			TLG
276	TMP			TMP
277	TMS			TMS
278	TN1			TN1
279	TNC			TNC
280	TNH			TNH
281	TNT			TNT
282	TPB			TPB
283	TRA			TRA
284	TRC			TRC
285	TSC	TSC		
286	TTA			TTA
287	TV2			TV2
288	TVB			TVB
289	TVS			TVS
290	TVT			TVT
291	TYA			TYA
292	UIC			UIC
293	VCB			VCB
294	VCF			VCF
295	VCG			VCG
296	VCI			VCI
297	VDP			VDP
298	VDS			VDS

299	VFG			VFG
300	VGC			VGC
301	VHC			VHC
302	VHM			VHM
303	VIB			VIB
304	VIC			VIC
305	VID			VID
306	VIP			VIP
307	VIX			VIX
308	VJC			VJC
309	VMD			VMD
310	VND			VND
311	VNG			VNG
312	VNL			VNL
313	VNM			VNM
314	VNS			VNS
315	VOS	VOS		
316	VPD			VPD
317	VPG			VPG
318	VPH			VPH
319	VPI			VPI
320	VPS			VPS
321	VRC			VRC
322	VRE			VRE
323	VSC			VSC
324	VSI			VSI
325	VTO			VTO
326	VTP			VTP
327	YBM			YBM
328	YEG			YEG

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (không phải báo cáo nội dung này khi gửi báo cáo này cho Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh)

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC		/	ADC
2	AMC			AMC
3	ARM			ARM
4	ATS			ATS
5	BAB			BAB
6	BAX			BAX
7	BBS			BBS
8	BCF			BCF
9	BED			BED
10	BKC			BKC
11	BNA			BNA
12	BPC			BPC
13	BSC			BSC
14	BTW			BTW
15	BVS			BVS
16	BXH			BXH
17	C69			C69
18	CAN			CAN
19	CAP			CAP
20	CCR			CCR
21	CDN			CDN
22	CEO			CEO
23	CIA			CIA
24	CKV			CKV
25	CLH			CLH
26	CLM			CLM
27	CMC			CMC
28	CMS			CMS
29	CPC			CPC
30	CSC			CSC
31	CTB			CTB
32	CTP			CTP

33	CTT			CTT
34	CX8			CX8
35	D11			D11
36	DAD			DAD
37	DAE			DAE
38	DC2			DC2
39	DHP			DHP
40	DHT			DHT
41	DIH			DIH
42	DL1			DL1
43	DNC			DNC
44	DNP			DNP
45	DP3			DP3
46	DST			DST
47	DTD			DTD
48	DTG			DTG
49	DTK			DTK
50	DVM			DVM
51	DXP			DXP
52	EBS			EBS
53	EID			EID
54	EVS			EVS
55	GDW			GDW
56	GIC			GIC
57	GMA			GMA
58	GMX			GMX
59	HAD			HAD
60	HAT			HAT
61	HBS	HBS		
62	HCC			HCC
63	HDA			HDA
64	HEV	HEV		
65	HGM			HGM
66	HHC			HHC
67	HJS			HJS

68	HKT			HKT
69	HLC			HLC
70	HMH			HMH
71	HMR			HMR
72	HTC			HTC
73	HUT			HUT
74	HVT			HVT
75	ICG			ICG
76	IDC			IDC
77	IDV			IDV
78	INC			INC
79	INN			INN
80	IPA			IPA
81	ITQ			ITQ
82	IVS			IVS
83	KDM	KDM		
84	KHS			KHS
85	KMT			KMT
86	KSF			KSF
87	KST			KST
88	KSV			KSV
89	KTS			KTS
90	L14			L14
91	L18			L18
92	L40			L40
93	LAS			LAS
94	LBE			LBE
95	LHC			LHC
96	LIG			LIG
97	MAC			MAC
98	MBG			MBG
99	MBS			MBS
100	MCC			MCC
101	MCF			MCF
102	MCO			MCO



103	MDC			MDC
104	MEL			MEL
105	MKV			MKV
106	MST			MST
107	MVB			MVB
108	NAG			NAG
109	NAP			NAP
110	NBC			NBC
111	NBW			NBW
112	NDN			NDN
113	NDX			NDX
114	NET			NET
115	NFC			NFC
116	NHC			NHC
117	NSH			NSH
118	NST			NST
119	NTH			NTH
120	NTP			NTP
121	ONE			ONE
122	PBP			PBP
123	PCE			PCE
124	PCH			PCH
125	PCT			PCT
126	PDB			PDB
127	PGN	PGN		
128	PGS			PGS
129	PHN			PHN
130	PIA			PIA
131	PIC			PIC
132	PJC			PJC
133	PLC			PLC
134	PMB			PMB
135	PMC			PMC
136	PMP			PMP
137	PMS			PMS

138	POT	POT		
139	PPP			PPP
140	PPS			PPS
141	PPT			PPT
142	PPY			PPY
143	PRC			PRC
144	PRE			PRE
145	PSC			PSC
146	PSD			PSD
147	PSE			PSE
148	PSI			PSI
149	PSW			PSW
150	PTI			PTI
151	PTS			PTS
152	PTX			PTX
153	PVB			PVB
154	PVC			PVC
155	PVG			PVG
156	PVI			PVI
157	PVS			PVS
158	QHD			QHD
159	QST			QST
160	QTC			QTC
161	RCL			RCL
162	S55			S55
163	S99			S99
164	SAF			SAF
165	SCG			SCG
166	SCI			SCI
167	SD5			SD5
168	SD9			SD9
169	SDC			SDC
170	SDN			SDN
171	SEB			SEB
172	SED			SED



173	SFN			SFN
174	SGC			SGC
175	SGH			SGH
176	SHE			SHE
177	SHN			SHN
178	SHS			SHS
179	SJ1			SJ1
180	SJE			SJE
181	SLS			SLS
182	SMN			SMN
183	SMT	SMT		
184	STC			STC
185	STP			STP
186	SVN			SVN
187	SZB			SZB
188	TA9			TA9
189	TBX			TBX
190	TDT			TDT
191	TET			TET
192	TFC			TFC
193	THB	THB		
194	THD			THD
195	THS			THS
196	THT	THT		
197	TJC			TJC
198	TKU			TKU
199	TMB			TMB
200	TMC			TMC
201	TMX			TMX
202	TNG			TNG
203	TOT			TOT
204	TPP			TPP
205	TSB			TSB
206	TTC			TTC
207	TTT			TTT

208	TV4			TV4
209	TVD			TVD
210	UNI			UNI
211	V12			V12
212	VBC			VBC
213	VC1			VC1
214	VC3			VC3
215	VC6			VC6
216	VC7			VC7
217	VCC			VCC
218	VCM			VCM
219	VCS			VCS
220	VE3	VE3		
221	VFS			VFS
222	VGP			VGP
223	VGS			VGS
224	VHE			VHE
225	VIF			VIF
226	VIT			VIT
227	VLA			VLA
228	VMC			VMC
229	VMS			VMS
230	VNC			VNC
231	VNF			VNF
232	VNR			VNR
233	VSA			VSA
234	VSM			VSM
235	VTC			VTC
236	VTH			VTH
237	VTZ			VTZ
238	WCS			WCS

<https://www.vpbanks.com.vn/post/danh-muc-chung-khoan-giao-dich-ky-quy-ap-dung-tu-ngay-29-08-2025>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước



Kính báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Người lập

(ký, ghi rõ họ tên)

Lê Thị Thu Hà

Kiểm soát

(ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lê

TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Lê Văn Minh